
Lãi suất LNH
Trái phiếu

Kỳ hạn	Lãi suất LNH		Trái phiếu	
	VND	D/D	USD	D/D
ON	2.09	0.02	0.31	0.01
1W	2.20	0.03	0.40	0.01
2W	2.21	0.09	0.44	0.01
1M	2.21	0.13	0.54	0.00
2M	2.33	0.04	0.65	-0.02
3M	2.40	0.05	0.73	-0.03
6M	2.56	0.01	0.90	-0.03
9M	2.70	0.03	1.16	-0.05
1Y	2.90	0.03	1.26	-0.05

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bom/hút ròng	KL lưu hành
06-04-22	1	14	2.50	10,000	306,00	283,36	22,64	4,977,20
05-04-22	1	14	2.50	10,000	300,12	192,40	107,72	4,954,56
04-04-22	1	14	2.50	10,000	338,00	-	338,00	4,846,84

Thị trường TPCP sơ cấp

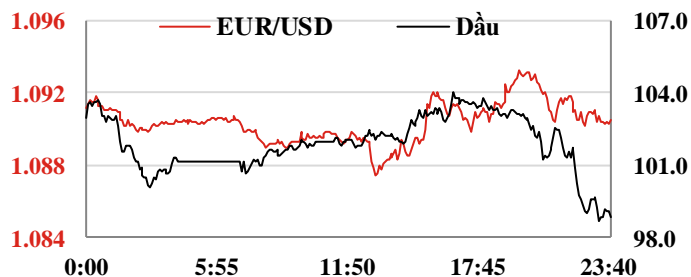
đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày DT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	6-Apr-22	5	500	0	0.00%	0.00%
MOF	6-Apr-22	10	2000	1000	2.24%	0.04%
MOF	6-Apr-22	15	2000	1000	2.54%	0.04%
MOF	6-Apr-22	20	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			5000	2000		

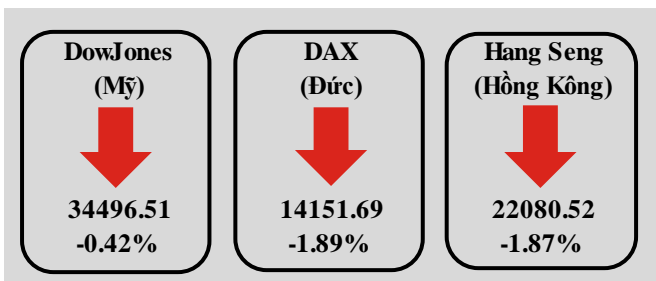
	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1522.90	446.83	116.84
%/ngày	0.19%	-2.03%	-0.73%
%/31/12/2021	1.64%	-5.7%	3.7%
KLGD (tr.đ.v)	944.04	114.00	50.6
GTGD (tỷ đ)	30016.66	3647.59	1164.11
NDINN mua (tỷ đ)	1376.92	13.99	0.28
NDINN bán (tỷ đ)	1267.75	41.19	0.21

Tin trong nước ngày 06/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 06/04, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.100 VND/USD, tăng nhẹ 02 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN duy trì niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.866 VND/USD, tăng 56 đồng so với phiên 05/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm tiếp 30 đồng ở chiều mua vào và 60 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.250 VND/USD và 23.300 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 06/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 – 0,13 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 2,09%; 1W 2,20%; 2W 2,21% và 1M 2,21%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 0,31%; 1W 0,40%; 2W 0,44%, 1M 0,54%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, cụ thể: 3Y 2,15%; 5Y 2,25%; 7Y 2,44%; 10Y 2,71%; 15Y 2,93%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 306 tỷ đồng trúng thầu trong khi có 283,36 tỷ đồng đảo hạn. Như vậy, NHNN bom ròng 22,64 tỷ đồng ra thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh này tăng lên mức 4.977,2 tỷ đồng.
- Thị trường trái phiếu:** Ngày 06/04, KBNN huy động thành công 2.000/5.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 40%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm và 15 năm huy động được 1.000/2.000 tỷ đồng mỗi loại, kỳ hạn 5 năm và 20 năm đấu thầu thất bại. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,24%/năm (+0,04%); kỳ hạn 15 năm tại 2,54%/năm (+0,04%).
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, trên thị trường chứng khoán, số mã giảm áp đảo khiến thị trường chao đảo, tuy nhiên đã hồi phục vào cuối phiên nhờ nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng nhẹ 2,87 điểm (+0,19%) đạt 1.522,90 điểm; HNX-Index giảm mạnh 9,27 điểm (-2,03%) xuống 446,83 điểm; UPCOM-Index giảm 0,86 điểm (-0,73%) còn 116,84 điểm. Thanh khoản thị trường tăng vọt với tổng giá trị giao dịch đạt trên 34.800 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng nhẹ hơn 82 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Ngân hàng Thế giới World Bank hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2022.** Theo Báo cáo Cập nhật tình hình Kinh tế Đông Á và Thái Bình Dương kỳ tháng 04/2022, kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng 5,3% trong năm 2022, giảm từ mức dự báo 5,5% trong báo cáo hồi tháng 01/2022. Dự báo trên được đưa ra căn cứ vào chính sách sống chung với Covid-19, kết quả vững chắc của công nghiệp chế biến, chế tạo định hướng xuất khẩu và sự phục hồi nhu cầu trong nước. WB nhận định kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với rủi ro tiêu cực do các biến chứng mới của Covid-19, tác động toàn cầu của xung đột Nga - Ukraine, giá cả hàng hóa thế giới tăng và sự tăng trưởng chậm lại của các thị trường xuất khẩu chủ lực.



	6 Apr 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	99.60	0.13%	1.85%	3.78%
USD/CNY	6.36	-0.06%	0.19%	0.11%
USD/EUR	0.92	0.09%	2.41%	4.36%
USD/JPY	123.79	0.15%	1.63%	7.57%
USD/KRW	1217.48	-0.06%	0.59%	2.48%
USD/SGD	1.36	0.05%	0.56%	0.82%
USD/TWD	28.71	0.11%	0.51%	3.61%
USD/THB	33.58	0.15%	0.75%	1.05%
USD/VND Trung tâm	23100	0.01%	-0.15%	-0.19%
USD/VND LNH	22866	0.25%	0.25%	0.32%
USD/VND tự do	23250	-0.13%	-0.30%	-0.85%
Vàng	1925.48	0.09%	-0.39%	5.31%
Dầu	96.23	-5.62%	-10.75%	27.95%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3280	0.0019		
1M	0.4514	0.0054	0.6704	0.0000
3M	0.9864	0.0199	0.7893	0.0000
6M	1.5017	0.0269	0.8211	0.0000
1Y	2.2434	0.0156		

Số liệu SIBOR ngày 05/04/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	03/05/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	14/04/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	03/05/2022

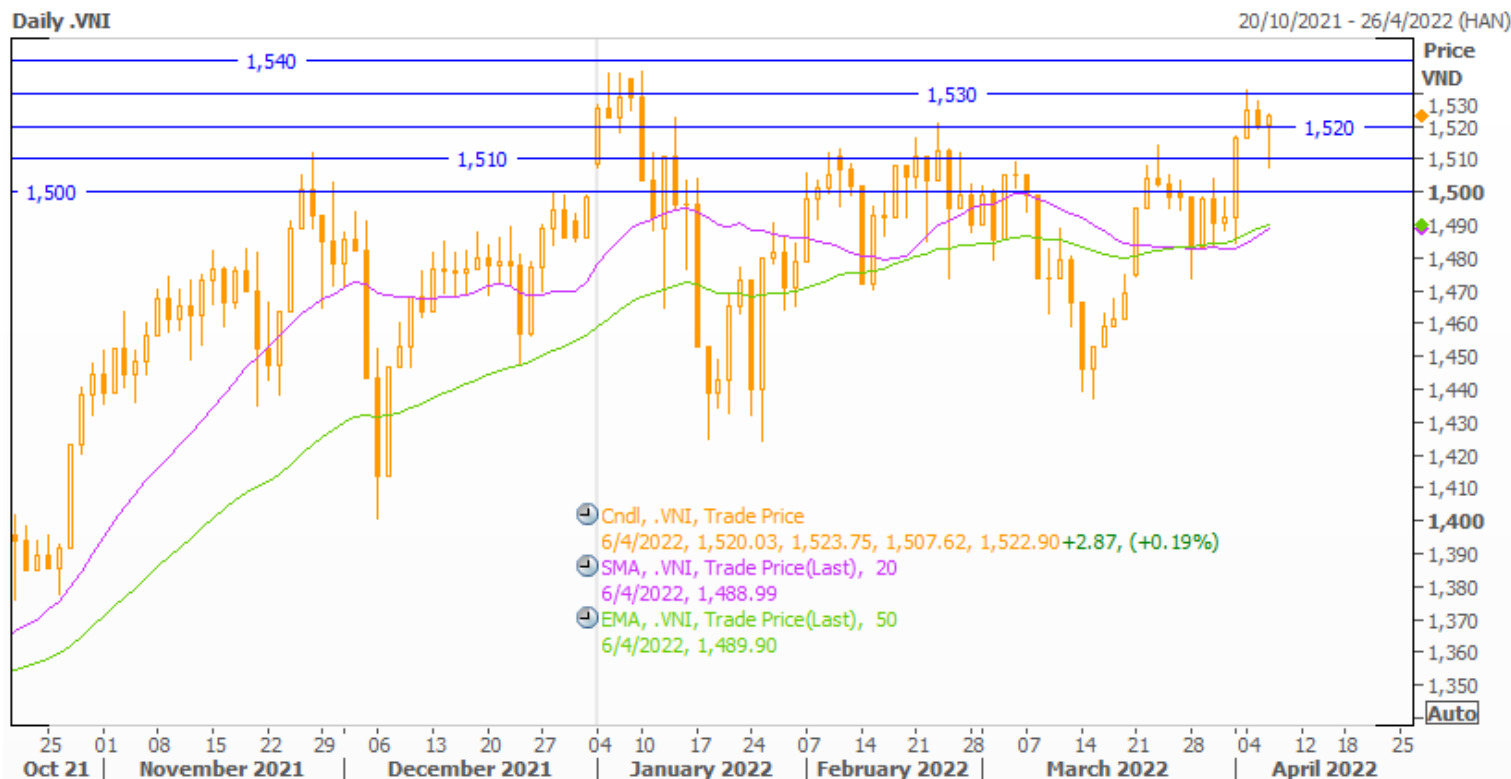
Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- Fed công bố biên bản cuộc họp tháng 3.** Trong biên bản cuộc họp, cơ quan này cho biết các dự báo về nền kinh tế đã yếu so với hồi tháng 01/2022, phản ánh tác động từ cuộc chiến Nga – Ukraine và những kỳ vọng rằng nền kinh tế không còn nhận được nhiều hỗ trợ như trước. GDP của năm 2022 sẽ giảm tốc so với năm 2021 trước khi tích cực hơn một chút ở năm 2023, sau đó giảm tốc một lần nữa ở năm 2024. Bên cạnh đó, về lạm phát, Fed dự báo chỉ số tiêu dùng PCE sẽ ở mức 4% trong năm 2022, giảm xuống 2,3% trong năm 2023 và tiếp tục giảm còn 2,1% trong năm 2024. Fed khẳng định lại mục tiêu của cơ quan này là toàn dụng nhân công và lạm phát ổn định ở mức 2%. Với bối cảnh hiện tại, Fed quyết định nâng LSCS thêm 25 điểm, lên mức 0,25% - 0,50%. Bên cạnh đó, Fed cũng bàn luận về kế hoạch thu hẹp bảng cân đối tài chính với mức 95 tỷ USD mỗi tháng, và có thể bắt đầu thực hiện từ tháng 5.
- Giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại Đức suy yếu.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết giá trị đơn đặt hàng nhà máy tại nước này giảm 2,2% m/m trong tháng 2 sau khi tăng 2,3% ở tháng trước đó, sâu hơn mức giảm 0,2% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị đơn đặt hàng vẫn tăng nhẹ 2,9%. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm trong tháng 2 chủ yếu do các yếu tố mùa vụ, bên cạnh đó là việc giá hàng hóa tăng nhanh chóng khi nguồn cung thiếu hụt. Liên quan tới kinh tế khu vực Eurozone, chỉ số giá sản xuất PPI của khu vực này tăng 1,1% m/m trong tháng 2, nối tiếp đà tăng 5,2% của tháng trước đó và gần khớp với mức tăng 1,2% theo kỳ vọng của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2021, chỉ số giá sản xuất tại khu vực này tăng mạnh 31,4%.
- Lĩnh vực xây dựng tại Anh duy trì được tình trạng tích cực.** IHS Markit khảo sát cho biết PMI lĩnh vực xây dựng của Anh ở mức 59,1 điểm trong tháng 3, không thay đổi so với tháng 2 và trái với dự báo giảm xuống còn 58,0 điểm. Theo IHS Markit, sản lượng xây dựng đã tăng mạnh trong tháng vừa qua, bên cạnh đó giá trị đơn đặt hàng mới cũng tăng mạnh nhất trong vòng 7 tháng trở lại đây. Tuy nhiên do những rủi ro từ cuộc chiến Nga – Ukraine và áp lực lạm phát tăng cao, sự lạc quan của các nhà đầu tư xây dựng tại Anh đã giảm đáng kể, xuống mức thấp nhất trong vòng 17 tháng.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
06 - 04	13:00	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy Đức mm T2	-2.2	-0.2	2.3
06 - 04	15:30	*	PMI lĩnh vực xây dựng Anh T3	59.1	58.0	59.1
06 - 04	16:00	*	Chỉ số giá sản xuất PPI Eurozone mm T2	1.1	1.2	5.2
07 - 04	1:00	***	Biên bản cuộc họp Fed tháng 3			
07 - 04	16:00	*	Doanh số bán lẻ Eurozone mm T2		0.6	0.2
07 - 04	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ w/e		201K	202K

VN-INDEX



VN-Index tăng nhẹ lên mức 1522,90 điểm. VN-Index vẫn nhận được lực đỡ từ các đường SMA20 và 50, nhiều khả năng tiếp tục xu hướng tăng trong ngắn hạn.

Nguỡng hỗ trợ: 1.510 – 1.500

Nguỡng kháng cự: 1.530 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranght5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn